

QUYẾT ĐỊNH số 98/1999/QĐ-UB

ngày 24-9-1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai về việc sửa đổi, bổ sung giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số loại xe ô tô, xe gắn máy.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Căn cứ Điều 41 Luật tổ chức HĐND và UBND năm 1994 ;

- Căn cứ điều 1, điều 2 Quyết định số 93/TC-QĐ/TCT ngày 21/01/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính "Về việc ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ tài sản ô tô, xe gắn máy" ;

- Xét đề nghị của Cục thuế tỉnh và Sở Tài chính - Vật giá tỉnh ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay sửa đổi, bổ sung mức giá tối thiểu để tính lệ phí trước bạ đối với một số loại xe ô tô, xe gắn máy trên địa bàn tỉnh Gia Lai (có bảng chi tiết kèm theo) .

Điều 2 : Mức giá sửa đổi, bổ sung để tính lệ phí trước bạ một số xe ô tô, xe gắn máy tại điều 1 Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 1999. Các quy định trước đây tại Quyết định số 422/QĐ-UB ngày 09/5/1997 và Quyết định số 1244/QĐ-UB ngày 01/10/1998 về lệ phí trước bạ của Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai trái với Quyết định này không còn hiệu lực thi hành .

Điều 3 : Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Thủ trưởng các ngành có liên quan và các đối tượng nộp lệ phí trước bạ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT/ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hồng Nam

BẢNG GIÁ TỐI THIỂU TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BA
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 98/1999/QĐ-UB ngày 24/9/1999
 của Ủy ban Nhân dân tỉnh)

Đ.V.T : 1.000 đồng

SỐ TT	LOẠI TÀI SẢN	GIÁ TRỊ TÀI SẢN	
		Chưa ĐKSD	Đã ĐKSD
I	<u>Bổ sung giá tính LPTB :</u>		
a	<u>Xe mô tô :</u>		
1	Taling 70-125 do Trung Quốc (TQ) SX từ năm 1998 về sau .	15.000	13.500
2	DaYang do TQ SX từ 1998 về sau	20.000	18.500
3	LiFan LF 100 TQ SX từ 1998 về sau	19.000	17.500
3	SiZuki SJ 110 TQ SX từ 1998 về sau	27.000	25.000
4	Modenas Kriss 110 do Việt Nam lắp ráp (VNLR) từ năm 1998 về sau .	27.000	25.000
5	Kawasaky Cheer 112 do VNLR từ năm 1998 về sau	30.000	28.000
6	Honda Uave 110 do (VNLR) từ năm 1998 về sau	31.000	29.000
7	Suzuky Viva SX từ năm 1996 về sau:		
	- Loại thẳng đùm	27.000	24.500
	- Loại thẳng đĩa	28.200	25.500
8	San Yang > 50 ^{cc} SX trước 1996 (loại xe ga)	9.000	7.500
b	<u>Xe thay thế , cải tạo :</u>		
1	Romoooc đầu kéo các loại	35.000	
2	Bồn các loại :		
	Dưới 5.000 lít	20.000	
	Từ 5.000 lít đến 12.000 lít	25.000	
	Trên 12.000 lít	30.000	
3	Thùng các loại :		
	Đến 2 tấn	5.000	
	Trên 2 tấn đến 5 tấn	10.000	
	Trên 8,5 tấn đến 11,5 tấn	20.000	
	Trên 11,5 tấn đến 14,5 tấn	25.000	
	Trên 14,5 tấn	30.000	
4	Ben các loại		
	Đến 3,5 tấn	12.000	
	Trên 3,5 tấn đến 7 tấn	18.000	
	Trên 7 tấn đến 10 tấn	24.000	
	Trên 10 tấn đến 14 tấn	30.000	
	Trên 14 tấn	35.000	
5	Ghế xe khách các loại		
	Ghế các loại/ghế	800	
II	<u>Sửa đổi giá tính LPTB :</u>		
1	Zin-130 SX trước 1978		
2	Zin 131, 157 SX trước 1978	28.000	
3	Ford trung (15 chỗ), Dodge, Chevrolet và các loại tương đương sản xuất trước 1975 .	31.000	
4	* Riêng các loại xe, tổng thành các loại bán đấu giá được cơ quan thẩm quyền cho phép thì giá tính LPTB là giá trúng đấu giá của người mua đứng tên trên quyết định , nếu chuyển nhượng qua người khác thì giá tính LPTB áp dụng theo khung giá tối thiểu hiện hành .	25.000	
	* Riêng nâng cấp ghế hoặc thêm số lượng ghế nhưng diện tích sàn xe không đổi thì không tính .		